TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2024/QĐST-DS	*P, ngày 16 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Duy K** – Sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện P, tỉnh B.

- *Bị đơn*:

1. Ông **Nguyễn L** – Sinh năm: 1944.

2. Bà **Nguyễn Thị S** – Sinh năm: 1946.

Đồng cư trú: Thôn T, xã D, huyện P, tỉnh B.

Bà Nguyễn Thị S ủy quyền cho ông Nguyễn L – Sinh năm: 1944; nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện P, tỉnh B (Theo Giấy ủy quyền ngày 28/11/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Nguyễn Văn H – Sinh năm: 1973.

2. Anh Nguyễn Thanh A – Sinh năm: 1982.

3. Chị Nguyễn Thị C – Sinh năm: 1989.

4. Chị Trần Thị Ngọc Y – Sinh năm: 1997.

Đồng cư trú: Thôn T, xã D, huyện P, tỉnh B.

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị C ủy quyền cho ông Nguyễn L – Sinh năm: 1944; nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện P, tỉnh B (Theo các Giấy ủy quyền ngày 28/11/2023 và 30/11/2023).

Chị Trần Thị Ngọc Y ủy quyền cho anh Nguyễn Duy K – Sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện P, tỉnh B (Theo Giấy ủy quyền ngày 23/11/2023).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Nguyễn Duy K, ông Nguyễn L, anh Nguyễn Thanh A thống nhất vào ngày 05 tháng 02 năm 2008 anh Nguyễn Duy K có nhận chuyển nhượng một phần thửa đất của ông Nguyễn L với giá tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và anh K giao cọc trước cho ông L 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

2.2. Anh Nguyễn Duy K, ông Nguyễn L, anh Nguyễn Thanh A thống nhất đến ngày 24 tháng 10 năm 2022 hộ của ông Nguyễn L đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Duy K một phần thửa đất số 18, tờ bản đồ số 28, diện tích thực tế là 747,9m^2, trong đó có 100m^2 đất ở, còn lại đất trồng cây hàng năm khác là 647,9m^2, có giới cận: Phía Đông giáp nhà ở ông Nguyễn Văn N, phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị T1, phía Tây giáp đường đất, phía Nam giáp đất của ông Nguyễn L, đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Nguyễn L, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH02047, ngày 10 tháng 7 năm 2014 và hộ ông Nguyễn L gồm: Ông Nguyễn L, bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Thanh A, chị Nguyễn Thị C với giá 1.960.000.000đ (một tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng) và các bên đã giao nhận tiền và giao nhận đất xong (Hiện nay bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất anh Nguyễn Duy K đang quản lý).

2.3. Anh Nguyễn Duy K, ông Nguyễn L, anh Nguyễn Thanh A thống nhất yêu cầu Tòa án ghi nhận giao một phần thửa đất số 18, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại thôn T, xã D, huyện P, tỉnh B với diện tích 747,9m^2, trong đó có 100m^2 đất ở, còn lại đất trồng cây hàng năm khác là 647,9m^2, có giới cận: Phía Đông giáp nhà ở ông Nguyễn Văn N, phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị T1, phía Tây giáp đường đất, phía Nam giáp đất ông Nguyễn L cho anh Nguyễn Duy K và chị Trần Thị Ngọc Y trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2.4. Án phí DS-ST: Anh Nguyễn Duy K tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Anh Nguyễn

Duy K đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo theo biên lai thu số 0006653 ngày 27/11/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P, tỉnh B, nay được khấu trừ.

2.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản hết 5.900.000đ (năm triệu chín trăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Duy K tự nguyện chịu 5.900.000đ (năm triệu chín trăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Duy K đã nộp 5.900.000đ (năm triệu chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, nay được khấu trừ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện P;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đ